

## PHỤ LỤC

Một số kết quả thực hiện sơ kết 5 năm Quyết định số 99-QĐ/TW  
(Số liệu được tính từ năm 2017 đến 6/2022)

-----

### **1. Số lượng văn bản ban hành triển khai Quyết định số 99-QĐ/TW**

- Cấp ủy: Cấp huyện:..... Cấp xã : 01.
- Chính quyền: Cấp huyện:.....Cấp xã:.....

### **2. Kiểm tra, giám sát Quyết định số 99-QĐ/TW**

- Kiểm tra:
  - + Số cuộc kiểm tra: Cấp huyện:..... Cấp xã:.....
  - + Hình thức kiểm tra: Riêng  Lồng ghép
- Giám sát:
  - + Số cuộc giám sát: Cấp huyện:..... Cấp xã: 06
  - + Hình thức giám sát: Riêng  Lồng ghép

### **3. Đối thoại giữa người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp với Nhân dân theo quy định**

- *Đối thoại của Bí thư:*
  - + Số cuộc đối thoại: Cấp huyện:.....; Cấp xã:13
  - + Tỷ lệ vụ việc được giải quyết sau đối thoại: Cấp huyện:.....%; Cấp xã: 90%.
- *Đối thoại của Chủ tịch:*
  - + Số cuộc đối thoại: Cấp huyện:.....; Cấp xã: .....
  - + Tỷ lệ vụ việc được giải quyết sau đối thoại: Cấp huyện:.....%; Cấp xã: .....

### **4. Số lần tiếp công dân của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp**

- Số cuộc tiếp dân của Bí thư:
  - Cấp huyện:.....cuộc; Cấp xã: 00 cuộc
- Số cuộc tiếp dân của Chủ tịch:
  - Cấp huyện:.....cuộc; Cấp xã: 28 cuộc

### **5. Tỷ lệ giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo**

Cấp huyện:.....%; Cấp xã: 93,5 %

### **6. Cải cách thủ tục hành chính**

- Tỷ lệ địa phương thực hiện cơ chế “một cửa”, “một cửa liên thông”:.... %.
- Tổng số thủ tục hành chính được cắt giảm.....thủ tục, đạt....%.

### **7. Nội dung công khai theo Quyết định số 99-QĐ/TW**

- Bao nhiêu nội dung được công khai: 4/4 nhóm nội dung công khai.
- Nội dung nào chưa được công khai:.....
- Hình thức công khai chủ yếu: thông qua hội nghị tiếp xúc cử tri, tổ chức họp dân, niêm yết tại trụ sở hoặc thông báo tại các phiên họp Ủy ban nhân dân xã.

### **8. Nội dung Nhân dân góp ý theo Quyết định số 99-QĐ/TW**

- Đối với cấp ủy, tổ chức đảng: công tác quản lý đảng viên của cấp ủy nơi công tác, nơi cư trú
- Đối với cán bộ, đảng viên: về trách nhiệm thực thi công vụ
- Hình thức góp ý chủ yếu: thông qua hội nghị cán bộ công chức, viên chức, người lao động; kiểm điểm hằng năm

### **9. Nội dung Nhân dân giám sát theo Quyết định số 99-QĐ/TW**

- Đối với cấp ủy, tổ chức đảng: nội dung nào giám sát nhiều nhất?
- Đối với cán bộ, đảng viên: nội dung nào giám sát nhiều nhất?
- Hình thức giám sát chủ yếu:.....

### **10. Đánh giá sự hài lòng của người dân đối với cơ quan, cán bộ, công chức, viên chức trực tiếp giải quyết công việc của người dân, doanh nghiệp**

Cấp huyện:.....%; Cấp xã: 100 %

-----

## Phụ lục 1

**VĂN BẢN**  
**Về lãnh đạo, chỉ đạo, cụ thể hóa việc thực hiện Quyết định 99**

-----

TT	Văn bản	Số, ngày	Nội dung	Cơ quan ban hành
I	<b>Cấp huyện</b>			
1				
2				
...				
II	<b>Cấp xã</b>			
1	Kế hoạch	Số 135, ngày 29/3/2018.	Triển khai, thực hiện Quyết định số 99-QĐ/TW của Ban Bí thư (khóa XII) ban hành Hướng dẫn khung để các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương tiếp tục phát huy vai trò của Nhân dân trong đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ	Đảng ủy xã Đức Thắng
2				
...				

*Phụ lục 2***TỔNG HỢP****Tổng số cuộc đối thoại của người đứng đầu cấp ủy các cấp với Nhân dân**

-----

TT	Năm	Số cuộc đối thoại		Tỷ lệ vụ việc được giải quyết sau đối thoại	
		Cấp huyện	Cấp xã	Cấp huyện	Cấp xã
1	2019		<b>03</b>		<b>95</b>
2	2020		<b>04</b>		<b>90</b>
3	2021		<b>04</b>		<b>90</b>
4	2022		<b>02</b>		<b>95</b>

-----

## Phụ lục 3

**TỔNG HỢP**  
**Tổng số cuộc đối thoại của Chủ tịch UBND các cấp với Nhân dân**

----

TT	Năm	Số lượt tổ chức đối thoại		Tỷ lệ vụ việc được giải quyết sau đối thoại	
		Cấp huyện	Cấp xã	Cấp huyện	Cấp xã
1	2017		<b>0</b>		<b>0</b>
2	2018		<b>0</b>		<b>0</b>
3	2019		<b>0</b>		<b>0</b>
4	2020		<b>0</b>		<b>0</b>
5	2021		<b>0</b>		<b>0</b>
6	2022		<b>0</b>		<b>0</b>

-----

## Phụ lục 4

**TỔNG HỢP**  
**Kết quả tiếp công dân của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp**

-----

T T	Năm	Số cuộc tiếp công dân của Bí thư cấp ủy		Số cuộc tiếp công dân của Chủ tịch UBND	
		Cấp huyện	Cấp xã	Cấp huyện	Cấp xã
1	2017		<b>0</b>		5
2	2018		<b>0</b>		4
3	2019		<b>0</b>		4
4	2020		<b>0</b>		9
5	2021		<b>0</b>		3
6	2022		<b>0</b>		3

-----

## Phụ lục 5

**TỔNG HỢP**  
**Kết quả giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo**

-----

<b>TT</b>	<b>Năm</b>	<b>Cấp huyện</b>	<b>Cấp xã</b>
1	2017		34/36=94,4%
2	2018		43/46=93,5%
3	2019		25/26=96,2%
4	2020		17/18=94,4%
5	2021		12/13=92,3%
6	2022		12/14=85,2%

-----